**BÀI THỰC HÀNH 6**

**Họ tên sinh viên:**

* Huỳnh Trung Kiên – 3120560049
* Lê Dư Giáp Hào – 3120410152
* Nguyễn Bảo Khanh – 3120560039
* Phan Minh Quang – 3120410427

**Yêu cầu**: Dựa trên sơ đồ Use case đồ án của nhóm đã có, viết đặc tả Use case.

**BÀI LÀM**

**Đặc tả từng Use case**

1. **Đăng nhập**

**A picture containing diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use case** bắt đầu khi **Admin** **/** **Staff** truy cập vào hệ thống. |
| **Dòng sự kiện chính:**  1. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu đăng nhập  2. **Admin / Staff** nhập thông tin tài khoản và mật khẩu.  3. **Admin / Staff** chọn đăng nhập để truy cập vào hệ thống |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Thông báo lỗi sai mật khẩu hoặc tài khoản và yêu cầu nhập lại |
| **Tiền điều kiện:** Nhấn biểu tượng mở chương trình để truy cập vào hệ thống |
| **Hậu điều kiện:** Nếu **Use case** thành công thì thông tin tài khoản và nhân viên sẽ được lưu lại vào bộ nhớ tạm, đồng thời cho phép truy cập vào hệ thống với quyền hạn của tài khoản (**Admin** hoặc **Staff**). |

1. **Quản lý tài khoản**

**Diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use case** bắt đầu khi A**dmin** vào trình quản lý tài khoản. |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** **Admin** vào phần giao diện cho **Admin** và chọn **page** tài khoản  **2.** Hệ thống sẽ hiển thị danh sách tài khoản trên giao diện  **3.** **Admin** chọn và thực hiện 1 trong các chức năng sau:  **3.1. Admin** chọn tạo mới tài khoản:Hệ thống yêu cầu **Admin** nhập thông tin tài khoản. Nhấn tạo mới mã định danh và điền đầy đủ thông tin tài khoản, sau đó **Admin** chọn nút “**Thêm**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập. Hệ thống lưu tài khoản vào cơ sở dữ liệu.  **3.1.1. Admin** cấp quyền cho tài khoản: Admin chọn 1 trong 2 quyền là **Admin / Staff** cho tài khoản trước khi nhấn “**Thêm**”.  **3.2. Admin** chọn sửa tài khoản: **Admin** chọn tài khoản muốn thay đổi thông tin, hệ thống hiển thị thông tin tài khoản mà **Admin** yêu cầu. Sau khi thay đổi các thông tin cần thiết, **Admin** nhấn “**Sửa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin lại vào cơ sở dữ liệu.  **3.2.1. Admin** sửa quyền của tài khoản: **Admin** sửa quyền của tài khoản trước khi nhấn chọn “**Sửa**”.  **3.3. Admin** chọn xóa tài khoản: **Admin** chọn tài khoản cần xóa, hệ thống hiển thị thông tin tài khoản cần xóa. Admin chọn nút “**Xóa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản. Hệ thống cập nhật danh sách tài khoản vào cơ sở dữ liệu.  **4.** Đóng trình **Admin** để trở về giao diện ban đầu |
| **Dòng sự kiện phụ:**  **1**. Thông tin tài khoản không đầy đủ: Nếu thông tin được **Admin** nhập vào không đầy đủ khi “**Thêm**” và “**Sửa**” thì hệ thống sẽ bảo lỗi. **Admin** có thể bổ sung thông tin hoặc hủy bỏ thao tác, **Use case** kết thúc. |
| **Tiền điều kiện**: Tài khoản phải có phân quyền **Admin** đểthựchiện các chức năng trên |
| **Hậu điều kiện**: Nếu **Use case** thành công thì thông tin của tài khoản sẽ được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

1. **Quản lý nhân viên**

**Diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use** **case** bắt đầu khi **Admin** vào trình quản lý nhân viên. |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** **Admin** vào phần giao diện cho **Admin** và chọn **page** nhân viên  **2.** Hệ thống sẽ hiển thị danh sách nhân viên trên giao diện  **3.** **Admin** chọn và thực hiện 1 trong các chức năng sau:  **3.1. Admin** chọn tạo mới nhân viên:Hệ thống yêu cầu **Admin** nhập thông tin nhân viên. Nhấn tạo mới mã định danh và điền đầy đủ thông tin nhân viên, sau đó **Admin** chọn nút “**Thêm**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập. Hệ thống lưu tài khoản vào cơ sở dữ liệu.  **3.1.1. Admin** cấp tài khoản cho nhân viên: **Admin** chọn tài khoản có trạng thái “**Chưa sở hữu**” để cấp nhân viên trước khi nhấn “**Thêm**”.  **3.2. Admin** chọn sửa thông tin nhân viên: **Admin** chọn nhân viên muốn thay đổi thông tin, hệ thống hiển thị thông tin nhân viên mà **Admin** yêu cầu. Sau khi thay đổi các thông tin cần thiết, **Admin** nhấn “**Sửa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin lại vào cơ sở dữ liệu.  **3.2.1. Admin** thay đổi tài khoản cho nhân viên: **Admin** thay đổi tài khoản hiện tại bằng một tài khoản có trạng thái “**Chưa sở hữu**” khác trước khi nhấn chọn “**Sửa**”.  **3.3. Admin** chọn xóa nhân viên: **Admin** chọn nhân viên cần xóa, hệ thống hiển thị thông tin nhân viên cần xóa. **Admin** chọn nút “**Xóa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin nhân viên. Hệ thống cập nhật danh sách nhân viên vào cơ sở dữ liệu.  **4.** Đóng trình **Admin** để trở về giao diện ban đầu. |
| **Dòng sự kiện phụ:**  **1**. Thông tin nhân viên không đầy đủ: Nếu thông tin được **Admin** nhập vào không đầy đủ khi “**Thêm**” và “**Sửa**” thì hệ thống sẽ bảo lỗi. **Admin** có thể bổ sung thông tin hoặc hủy bỏ thao tác, **Use case** kết thúc.  **2.** Thông báo “Tài khoản đã tồn tại” nếu **Admin** cấp tài khoản đã tồn tại rồi cho nhân viên. |
| **Tiền điều kiện**: Tài khoản phải có phân quyền **Admin** đểthựchiện các chức năng trên |
| **Hậu điều kiện**: Nếu **Use case** thành công thì thông tin của nhân viên sẽ được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

1. **Quản lý thành viên**

**Diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use** **case** bắt đầu khi **Admin** vào trình quản lý thành viên hoặc **Staff** đăng ký thành viên cho khách hàng. |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** Tại giao diện bán hàng  **1.1** **Admin / Staff** nhấn chọn đăng ký thành viên tại giao diện bán hàng  **2.2** **Admin / Staff** nhập thông tin khách hàng  **3.3** **Admin / Staff** nhấn đăng ký thành viên để kết thúc quá trình đăng ký thành viên: Hệ thống sẽ lấy những input đầu vào, tiến hành kiểm tra và lưu vào cơ sở dữ liệu.  **2.** Tạigiao diện làm việc của **Admin,** một trong các chức năng sau được thực hiện:  **2.1. Admin** chọn sửa thông tin thành viên: **Admin** chọn thành viên muốn thay đổi thông tin, hệ thống hiển thị thông tin thành viên mà **Admin** yêu cầu. Sau khi thay đổi các thông tin cần thiết, **Admin** nhấn “**Sửa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin lại vào cơ sở dữ liệu.  **2.2. Admin** chọn xóa thành viên: **Admin** chọn thành viên cần xóa, hệ thống hiển thị thông tin thành viên cần xóa. **Admin** chọn nút “**Xóa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin thành viên. Hệ thống cập nhật danh sách thành viên vào cơ sở dữ liệu. |
| **Dòng sự kiện phụ:**  **1**. Thông tin thành viên không đầy đủ: Nếu thông tin được **Admin** nhập vào không đầy đủ khi “**Thêm**” và “**Sửa**” thì hệ thống sẽ bảo lỗi. Admin có thể bổ sung thông tin hoặc hủy bỏ thao tác, **Use case** kết thúc. |
| **Tiền điều kiện**:  1. Tài khoản phải có phân quyền **Admin** đểthựchiện các chức năng quản lý  2. Tài khoản chỉ cần đăng nhập thành công không phân biệt phân quyền được phép đăng ký thành viên cho khách hàng |
| **Hậu điều kiện**: Nếu **Use case** thành công thì thông tin của thành viên sẽ được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

1. **Quản lý nhà cung cấp**

**Diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use case** bắt đầu khi **Admin** chọn chức năng quản lý nhà cung cấp. |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1. Admin** vào phần giao diện cho **Admin** và chọn **page** nhà cung cấp.  **2.** Hệ thống hiển thị danh sách nhà cung cấp  **3**. Một trong các chức năng sau được thực hiện:  **3.1.** Thêm nhà cung cấp: Hệ thống yêu cầu **Admin** nhập thông tin nhà cung cấp. Nhấn tạo mới mã định danh và điền đầy đủ thông tin nhà cung cấp, sau đó **Admin** chọn nút “**Thêm**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập. Hệ thống lưu nhà cung cấp vào cơ sở dữ liệu.  **3.2.** Sửa thông tin nhà cung cấp: **Admin** chọn nhà cung cấp muốn thay đổi thông tin, hệ thống hiển thị thông tin nhà cung cấp **Admin** yêu cầu. Sau khi thay đổi các thông tin cần thiết, **Admin** nhấn “**Sửa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin lại vào cơ sở dữ liệu.  **3.3.** Xóa nhà cung cấp: **Admin** chọn nhà cung cấp cần xóa, hệ thống hiển thị thông tin nhà cung cấp cần xóa. **Admin** chọn nút “**Xóa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin nhà cung cấp. Hệ thống cập nhật lại danh sách của nhà cung cấp vào cơ sở dữ liệu.  **4.** Quản lý chi tiết nhà cung cấp loại sản phẩm  **4.1.** Xem chi tiết nhà cung cấp loại sản phẩm: **Admin** nhấn vào nhà cung cấp cần xem chi tiết và nhấn vào biểu tượng “Xem chi tiết”.  **4.2.** Sửa thông tin loại sản phẩm nhà cung cấp phân phối |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Thông tin nhà cung cấp không đầy đủ: Nếu thông tin được **Admin** nhập vào không đầy đủ khi “**Thêm**” và “**Sửa**” thì hệ thống sẽ bảo lỗi. **Admin** có thể bổ sung thông tin hoặc hủy bỏ thao tác, **Use case** kết thúc. |
| **Tiền điều kiện:** Đăng nhập dưới quyền admin trước khi **Use** **case** bắt đầu |
| **Hậu điều kiện:** Nếu **Use** **case** thành công thì thông tin của nhà cung cấp sẽ được được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi |

1. **Quản lý loại sản phẩm**

**Diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use** **case** bắt đầu khi **Admin** chọn chức năng quản lý loại sản phẩm |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** **Admin** vào phần giao diện cho **Admin** và chọn **page** loại sản phẩm.  **2.** Hệ thống hiển thị danh sách loại sản phẩm  **3.** Một trong các chức năng sau được thực hiện:  **3.1.** Thêm loại sản phẩm: Hệ thống yêu cầu **Admin** nhập thông tin loại sản phẩm. Nhấn tạo mới mã định danh và điền đầy đủ thông tin loại sản phẩm, sau đó **Admin** chọn nút “Thêm”. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập. Hệ thống lưu loại sản phẩm vào cơ sở dữ liệu.  **3.2.** Sửa thông tin loại sản phẩm: **Admin** chọn loại sản phẩm muốn thay đổi thông tin, hệ thống hiển thị thông tin loại sản phẩm mà **Admin** yêu cầu. Sau khi thay đổi các thông tin cần thiết, **Admin** nhấn “**Sửa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin lại vào cơ sở dữ liệu.  **3.3.** Xóa loại sản phẩm: **Admin** chọn loại sản phẩm cần xóa, hệ thống hiển thị thông tin loại sản phẩm cần xóa. **Admin** chọn nút “**Xóa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin loại sản phẩm. Hệ thống cập nhật danh sách loại sản phẩm vào cơ sở dữ liệu. |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Thông tin loại sản phẩm không đầy đủ: Nếu thông tin được **Admin** nhập vào không đầy đủ khi “**Thêm**” và “**Sửa**” thì hệ thống sẽ bảo lỗi. **Admin** có thể bổ sung thông tin hoặc hủy bỏ thao tác, **Use case** kết thúc. |
| **Tiền điều kiện:** Đăng nhập dưới quyền **Admin** trước khi **Use case** bắt đầu. |
| **Hậu điều kiện:** Nếu **Use case** thành công thì thông tin của loại sản phẩm sẽ được được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

1. **Quản lý sản phẩm**

**Diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use** **case** bắt đầu khi **Admin** chọn chức năng quản lý sản phẩm |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** **Admin** vào phần giao diện cho **Admin** và chọn **page** sản phẩm.  **2.** Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm  **3.** Một trong các chức năng sau được thực hiện:  **3.1.** Thêm loại sản phẩm: Hệ thống yêu cầu **Admin** nhập thông tin sản phẩm. Nhấn tạo mới mã định danh và điền đầy đủ thông tin sản phẩm, sau đó **Admin** chọn nút “**Thêm**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập. Hệ thống lưu sản phẩm vào cơ sở dữ liệu.  **3.2.** Sửa thông tin sản phẩm: **Admin** chọn sản phẩm muốn thay đổi thông tin, hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm mà **Admin** yêu cầu. Sau khi thay đổi các thông tin cần thiết, **Admin** nhấn “**Sửa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin lại vào cơ sở dữ liệu.  **3.2.1.** Thayđổi loại sản phẩm: Thay đổi thông tin loại sản phẩm trước khi nhấn nut “**Sửa**”.  **3.3.** Xóa sản phẩm: **Admin** chọn sản phẩm cần xóa, hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm cần xóa. **Admin** chọn nút “**Xóa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin sản phẩm. Hệ thống cập nhật danh sách sản phẩm vào cơ sở dữ liệu. |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Thông tin sản phẩm không đầy đủ: Nếu thông tin được **Admin** nhập vào không đầy đủ khi “**Thêm**” và “**Sửa**” thì hệ thống sẽ bảo lỗi. **Admin** có thể bổ sung thông tin hoặc hủy bỏ thao tác, **Use case** kết thúc. |
| **Tiền điều kiện:** Đăng nhập dưới quyền **Admin** trước khi **Use case** bắt đầu. |
| **Hậu điều kiện:** Nếu **Use case** thành công thì thông tin của sản phẩm sẽ được được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

1. **Quản lý CTKM**

**Diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use** **case** bắt đầu khi **Admin** chọn chức năng quản lý chương trình khuyến mãi |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** **Admin** vào phần giao diện cho **Admin** và chọn **page** chương trình khuyến mãi  **2.** Hệ thống hiển thị danh sách chương trình khuyến mãi  **3.** Một trong các chức năng sau được thực hiện:  **3.1.** Thêm chương trình khuyến mãi: Hệ thống yêu cầu **Admin** nhập thông tin chương trình khuyến mãi. Nhấn tạo mới mã định danh và điền đầy đủ thông tin chương trình khuyến mãi, sau đó **Admin** chọn nút “Thêm”. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập. Hệ thống lưu chương trình khuyến mãi vào cơ sở dữ liệu.  **3.2.** Sửa thông tin chương trình khuyến mãi: **Admin** chọn chương trình khuyến mãi muốn thay đổi thông tin, hệ thống hiển thị thông tin chương trình khuyến mãi mà **Admin** yêu cầu. Sau khi thay đổi các thông tin cần thiết, **Admin** nhấn “**Sửa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin lại vào cơ sở dữ liệu.  **3.3.** Xóa chương trình khuyến mãi: **Admin** chọn chương trình khuyến mãi cần xóa, hệ thống hiển thị thông tin chương trình khuyến mãi cần xóa. **Admin** chọn nút “**Xóa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin chương trình khuyến mãi. Hệ thống cập nhật danh sách chương trình khuyến mãi vào cơ sở dữ liệu.  **3.4.** Áp dụng / Ngưng chương trình khuyến mãi: **Admin** chọn chương trình khuyến mãi cần áp dụng, hệ thống hiển thị thông tin chương trình khuyến mãi được chọn. **Admin** chọn nút “**Áp dụng / Ngưng**”. Hệ thống kiểm tra thông tin chương trình khuyến mãi. Hệ thống cập nhật trạng thái của chương trình khuyến mãi đó vào cơ sở dữ liệu (Trạng thái: **Áp dụng / Ngưng**).  **3.5.** Xem chi tiết chương trình khuyến mãi: **Admin** chọn chương trình khuyến mãi cần xem, hệ thống hiển thị thông tin chương trình khuyến mãi được chọn. Admin chọn biểu tượng “**Xem chi tiêt**”. Hệ thống kiểm tra thông tin chương trình khuyến mãi và hiển thị thông tin chi tiết của chương trình khuyến mãi đó. |
| **Dòng sự kiện phụ:**  **1.** Thông tin chương trình khuyến mãi không đầy đủ: Nếu thông tin được **Admin** nhập vào không đầy đủ khi “**Thêm**” và “**Sửa**” thì hệ thống sẽ bảo lỗi. **Admin** có thể bổ sung thông tin hoặc hủy bỏ thao tác, **Use case** kết thúc. |
| **Tiền điều kiện:** Đăng nhập dưới quyền admin trước khi **Use case** bắt đầu. |
| **Hậu điều kiện:** Nếu **Use case** thành công thì thông tin của chương trình khuyến mãi sẽ được được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

1. **Quản lý phiếu giảm giá**

**Diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use** **case** bắt đầu khi **Admin** chọn chức năng quản lý chương trình khuyến mãi |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** **Admin** vào phần giao diện cho **Admin** và chọn **page** phiếu giảm giá  **2.** Hệ thống hiển thị danh sách phiếu giảm giá  **3.** Một trong các chức năng sau được thực hiện:  **3.1.** Thêm phiếu giảm giá: Hệ thống yêu cầu **Admin** nhập thông tin phiếu giảm giá. Nhấn tạo mới mã định danh và điền đầy đủ thông tin phiếu giảm giá, sau đó **Admin** chọn nút “Thêm”. Hệ thống kiểm tra thông tin được nhập. Hệ thống lưu phiếu giảm giá vào cơ sở dữ liệu.  **3.2.** Sửa thông tin phiếu giảm giá: **Admin** chọn phiếu giảm giá muốn thay đổi thông tin, hệ thống hiển thị thông tin phiếu giảm giá mà **Admin** yêu cầu. Sau khi thay đổi các thông tin cần thiết, **Admin** nhấn “**Sửa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin được thay đổi. Hệ thống cập nhật thông tin lại vào cơ sở dữ liệu.  **3.3.** Xóa phiếu giảm giá: **Admin** chọn phiếu giảm giá cần xóa, hệ thống hiển thị thông tin phiếu giảm giá cần xóa. **Admin** chọn nút “**Xóa**”. Hệ thống kiểm tra thông tin phiếu giảm giá. Hệ thống cập nhật danh sách phiếu giảm giá vào cơ sở dữ liệu. |
| **Dòng sự kiện phụ:**  **1.** Thông tin phiếu giảm giá không đầy đủ: Nếu thông tin được **Admin** nhập vào không đầy đủ khi “**Thêm**” và “**Sửa**” thì hệ thống sẽ bảo lỗi. **Admin** có thể bổ sung thông tin hoặc hủy bỏ thao tác, **Use case** kết thúc. |
| **Tiền điều kiện:** Đăng nhập dưới quyền **Admin** trước khi **Use case** bắt đầu. |
| **Hậu điều kiện:** Nếu **Use case** thành công thì thông tin của phiếu giảm giá sẽ được được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

1. **Quản lý bán hàng**

Graphical user interface

Description automatically generated with low confidence

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use** **case** bắt đầu khi **Admin / Staff**  đang ở giao diện bán hàng và sử dụng chức năng bán hàng |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** **Admin / Staff** tại giao diện cho bán hàng.  **2. Admin / Staff** chọn loại sản phẩm mà khách hàng mua  **3.** **Admin / Staff** chọn sản phẩm và số lượng mà khách hàng mua thêm vào giỏ  **4.** **Admin / Staff** nhập mã voucher (nếu có)  **5.** **Admin / Staff** nhập mã thành viên (nếu có)  **6.** **Admin / Staff** tiến hành đổi điểm theo yêu cầu của khách (nếu có).  **7.** **Admin / Staff** nhấn biểu tượng thanh toán để tạo và xuất hóa đơn |
| **Dòng sự kiện phụ:**  **1.** Hệ thống thông báo hết sản phẩm (số lượng <= 0)  **2.** Hệ thống thông báo nhập sai voucher  **3.** Hệ thống thông báo nhập sai mã thành viên  **4.** Hệ thống thông báo số điểm quy đổi lớn hơn số điểm hiện có. |
| **Tiền điều kiện:**  **1.** Đăng nhập vào hệ thống  **2.** Làmviệc tại giao diện bán hàng |
| **Hậu điều kiện:** Nếu **Use case** thành công thì số lượng sản phẩm sẽ được cập nhật lại ở hệ thống, đồng thời hóa đơn mới được tạo ra. Ngược lại sẽ thông báo thanh toán thất bại và trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

1. **Quản lý nhập hàng**

Graphical user interface

Description automatically generated

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use** **case** bắt đầu khi **Admin** đang ở giao diện quản lý nhập hàng và sử dụng chức năng nhập hàng. |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** **Admin** tại giao diện **Admin** và nhấn vào **page** nhập hàng.  **2. Admin** chọn nhà cung cấp  **3.** **Admin** chọn loại sản phẩm mà nhà cung cấp đó có  **4. Admin** chọn sản phẩm cần nhập kèm với số lượng để thêm vào giỏ  **5.** **Admin / Staff** nhấn biểu tượng thanh toán để tạo và xuất hóa đơn |
| **Dòng sự kiện phụ:** Không có |
| **Tiền điều kiện:**  **1.** Đăng nhập vào hệ thống dưới phân quyền **Admin** |
| **Hậu điều kiện:** Nếu **Use case** thành công thì số lượng sản phẩm trong kho sẽ được cập nhật lại ở hệ thống, đồng thời đơn nhập hàng mới được tạo ra. Ngược lại sẽ thông báo thanh toán thất bại và trạng thái của hệ thống không thay đổi. |

1. **Quản lý thống kê**

**Diagram

Description automatically generated**

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** **Use case** bắt đầu khi Admin chọn chức năng thống kê. |
| **Dòng sự kiện chính:**  **1.** **Admin** nhấn chọn vào **page doanh thu**  **2.** Một trong các chức năng sau được thực hiện khi Admin chọn các tùy chọn:  **2.1.** **Thống kê tổng quát**: Admin nhấn vào page tổng quát. Hệ thống tự động thống kê các chỉ số của hệ thống như: tổng số nhân viên; tổng số tài khoản; tổng số thành viên; tổng số loại sản phẩm, tổng số sản phẩm, tổng số phiếu giảm giá; tổng số chương trình khuyến mãi; tổng số nhà cung cấp.  **2.2. Thống kê hóa đơn:** Admin nhấn vào page đơn hàng.  **2.2.1. Admin lựa chọn tìm kiếm hóa đơn**: Hệ thống sẽ tìm chính xác hóa đơn dựa vào giá tri **input** đầu vào và hiển thị ra danh sách hóa đơn.  **2.2.2. Admin lựa chọn lọc hóa đơn:** Hệ thông tiến hành lọc gần đúng danh sách hóa đơn dựa trên **input** nhập vào của **admin**  **2.2.3. Admin lựa chọn in hóa đơn ra excel:** Hệ thống tiến hành in danh sách hóa đơn sau khi tìm kiếm hoặc lọc ra file excel theo yêu cầu của **Admin.**  **2.2.4. Thống kê doanh thu hóa đơn:** Hệ thống tự động thống kê doanh thu hóa đơn theo ngày, tháng, năm; thống kê hóa đơn có doanh thu lớn nhất, nhỏ nhất. Sau đó tự động hiển thị.  **2.2.5. Xem chi tiết hóa đơn:** Admin nhấn vào hóa đon và nhấn biểu tượng “**Xem chi tiết**”. Hệ thống sẽ lưu thống tin của hóa đơn đó vào bộ nhớ tạm và hiển thi nó ra giao diện.  **2.3. Thống kê đơn nhập hàng**: Admin nhấn vào page phiếu nhập.  **2.3.1. Admin lựa chọn tìm kiếm đơn nhập hàng**: Hệ thống sẽ tìm chính xác đơn nhập hàng dựa vào giá tri **input** đầu vào và hiển thị ra danh sách đơn nhập.  **2.3.2. Admin lựa chọn lọc đơn nhập:** Hệ thông tiến hành lọc gần đúng danh sách đơn nhập dựa trên **input** nhập vào của **Admin.**  **2.3.3. Admin lựa chọn in đơn nhập ra excel:** Hệ thống tiến hành in danh sách đơn nhập sau khi tìm kiếm hoặc lọc ra file excel theo yêu cầu của **Admin.**  **2.3.4. Thống kê doanh thu đơn nhập:** Hệ thống tự động thống kê chi phí nhập hàng theo ngày, tháng, năm; thống kê đơn nhập có chi phí lớn nhất, nhỏ nhất. Sau đó tự động hiển thị.  **2.3.5. Xem chi tiết hóa đơn:** Admin nhấn vào hóa đon và nhấn biểu tượng “**Xem chi tiết”.** Hệ thống sẽ lưu thống tin của đơn nhập đó vào bộ nhớ tạm và hiển thi nó ra giao diện. |
| **Dòng sự kiện phụ:**  1. Nhập sai định dạng giá trị cần tìm kiếm  VD: nhập kiểu dữ liệu là String trong khi tìm kiếm theo giá tiền yêu cầu nhập kiểu dữ liệu là Int hoặc Float.  2. Chưa nhập giá trị cận trên hoặc nhập sai định dạng giá trị cận trên trong chức năng lọc danh sách hóa đơn (hoặc phiếu nhập) để thống kê hóa đơn (hoặc phiếu nhập).  3. Thông báo “yêu cầu chọn hóa đơn (hoặc phiếu nhập) cần xem chi tiêt” khi nhấn biểu tượng “**Xem chi tiết**” mà chưa chọn hóa đơn (hoặc phiếu nhập) cụ thể. |
| **Tiền điều kiện:** Đăng nhập dưới quyền admin trước khi **Use case** bắt đầu. |
| **Hậu điều kiện:** Danh sách hóa đơn (hoặc phiếu nhập) được in ra. |